

21. Sản xuất phương tiện vận tải.
22. Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, sản xuất các sản phẩm khác.
23. Xây dựng.
24. Dịch vụ sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình.

III. Du lịch, khách sạn và nhà hàng:

1. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

IV. Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc:

1. Vận tải đường bộ, đường ống.
2. Sản xuất thiết bị viễn thông.

V. Hoạt động khoa học công nghệ; y tế, giáo dục:

1. Sản xuất và các dịch vụ tư vấn phần mềm máy tính.
2. Sản xuất, sửa chữa và các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính.
3. Bệnh viện, phòng khám.
4. Sản xuất đồ dùng, trang thiết bị trường học.

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 45/2002/QĐ-BTC ngày 10/4/2002 về việc thay thế Biểu thuế thuế xuất khẩu.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994

của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 537a/NQ-HĐNN8 ngày 22/2/1992 của Hội đồng Nhà nước; được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị quyết số 31/NQ-UBTVQH9 ngày 09/3/1993; Nghị quyết số 174/NQ-UBTVQH9 ngày 26/3/1994; Nghị quyết số 290/NQ-UBTVQH10 ngày 07/9/1995; Nghị quyết số 416/NQ-UBTVQH9 ngày 05/8/1997 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa IX;

Căn cứ Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Sau khi tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế Biểu thuế thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 193/2000/QĐ-BTC ngày 05/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bằng Biểu thuế thuế xuất khẩu mới ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng xuất khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 01 tháng 5 năm 2002. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

BIỂU THUẾ THUẾ XUẤT KHẨU

(ban hành kèm theo Quyết định số 45/2002/QĐ-BTC ngày 10/4/2002
của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

| Số thứ tự | Mô tả nhóm, mặt hàng | Thuộc nhóm, mã số | Thuế suất (%) |
|-----------------|--|-------------------------|---------------------|
| 1 | Hạt đào lộn hột (hạt điều) chưa bóc vỏ | 08013100 | 4 |
| 2 | Dầu thô (dầu mỏ) | 27090010 | 4 |
| 3 | Da của loài trâu, bò, ngựa (tươi, muối, sấy khô, ngâm nước vôi, ngâm trong dung dịch muối và hóa chất hoặc được bảo quản cách khác nhưng chưa thuộc ta nanh, chưa làm thành giấy da hoặc gia công thêm), đã hoặc chưa cạo lông hoặc lạng mỏng | 4101 | 10 |
| 4 | Da của loài động vật khác (tươi, khô, muối, ngâm nước vôi, ngâm trong dung dịch muối và hóa chất hoặc được bảo quản cách khác nhưng chưa thuộc, chưa làm thành giấy da hoặc gia công thêm), đã hoặc chưa cạo lông hoặc lạng mỏng, trừ các loại đã được loại trừ trong chú giải 1(b) và 1(c) của Chương này | 4103 | 10 |
| 5 | Gốc, rễ cây các loại bằng gỗ rừng tự nhiên | 4403 | 5 |
| 6 | Gỗ đai thùng; cọc chẻ; sào, cột, cọc bằng gỗ, vót nhọn, nhưng không xẻ dọc; gậy gỗ đã bào thô nhưng chưa tiện, uốn cong hoặc gia công cách khác, dùng làm ba toong, cán ô, chuôi, tay cầm dụng cụ hoặc tương tự; nan gỗ và các dạng tương tự bằng gỗ rừng tự nhiên | 4404 | 5 |
| 7 | Tà vẹt đường sắt hoặc đường xe điện (thanh ngang) bằng gỗ rừng tự nhiên | 4406 | 10 |
| 8 | Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc tách lớp, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc ghép mộng, có độ dày trên 6mm, bằng gỗ rừng tự nhiên | 4407 | 10 |
| 9 | Tấm gỗ làm lớp mặt và tấm để làm gỗ dán (đã hoặc chưa ghép) và các loại gỗ đã xẻ dọc khác đã được lạng hoặc tách lớp, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc ghép mộng, có độ dày không quá 6mm, bằng gỗ rừng tự nhiên | 4408 | 10 |
| 10 | Gỗ (kể cả gỗ ván và gỗ trụ để làm sàn, chưa ghép), được tạo dáng liên tục (làm mộng, soi rãnh, bào rãnh, vạt cạnh, ghép chữ V, tạo chuôi, tạo khuôn, tiện tròn hoặc gia công tương tự), dọc theo các cạnh hoặc bề mặt, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc ghép mộng, bằng gỗ rừng tự nhiên | 4409 | 10 |
| 11 | Hòm, hộp, thùng thưa, thùng hình trống và các loại bao bì tương tự bằng gỗ; tang cuốn cáp bằng gỗ; giá kệ để hàng, giá để hàng kiểu thùng và các loại giá để hàng khác bằng gỗ; vành đệm giá kệ hàng, bằng gỗ rừng tự nhiên | 4415 | 10 |
| 12 | Thùng tôn, thùng baren, thùng hình trống, hình trụ, có đai, các loại thùng có đai khác và các bộ phận của chúng, bằng gỗ, kể cả các loại tấm ván cong, bằng gỗ rừng tự nhiên | 4416 | 10 |
| 13 | Ván sàn (gỗ ván sàn và ván sàn sơ chế), ván lợp, ván rây, palet, cốp pha xây dựng, bằng gỗ rừng tự nhiên | 4418 | 10 |
| 14 | Khung cửa, bậc cửa, ngưỡng cửa, cầu thang, cánh cửa và các bộ phận của chúng, bằng gỗ rừng tự nhiên | 4418 | 5 |

| Số thứ tự | Mô tả nhóm, mặt hàng | Thuộc nhóm, mã số | Thuế suất (%) |
|-----------|--|-------------------|---------------|
| 15 | Đá quý (trừ kim cương), đá bán quý, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu chuỗi, chưa gắn hoặc nạm; đá quý (trừ kim cương), đá bán quý chưa phân loại đã xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển | | |
| 15.1 | - Chưa được gia công hoặc mới chỉ xẻ hoặc đẽo gọt thô | 71031000 | 5 |
| 15.2 | - Đá đã gia công | | |
| 15.2.1 | - - Đá rubi, saphia, và ngọc lục bảo | 71039100 | 1 |
| 15.2.2 | - - Đá loại khác | 71039900 | 1 |
| 16 | Vụn và bột của đá quý thuộc nhóm 7103 | 71059000 | 3 |
| 17 | Sắt thép phế liệu, phế thải (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của thép, có hoặc không được bó lại) | 7204 | 35 |
| 18 | Sắt và thép không hợp kim ở dạng thỏi hoặc các dạng thô khác (trừ sắt thuộc nhóm 7203) | 7206 | 2 |
| 19 | Sắt, thép không hợp kim ở dạng bán thành phẩm | 7207 | 2 |
| 20 | Đồng phế liệu và mảnh vụn (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của đồng, có hoặc không được bó lại) | 74040000 | 45 |
| 21 | Hợp kim đồng chủ | 74050000 | 15 |
| 22 | Bột đồng có kết cấu không phiến | 74061000 | 15 |
| 23 | Bột có kết cấu phiến; vảy đồng | 74062000 | 15 |
| 24 | Đồng ở dạng thỏi, thanh và dạng hình | 7407 | 5 |
| 25 | Ni ken phế liệu và mảnh vụn (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của niken, có hoặc không được bó lại) | 75030000 | 45 |
| 26 | Bột và vảy niken | 75040000 | 5 |
| 27 | Niken không hợp kim ở dạng thỏi, thanh, hình | 75051100 | 5 |
| 28 | Niken hợp kim ở dạng thỏi, thanh, hình | 75051200 | 5 |
| 29 | Nhôm phế liệu và mảnh vụn (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của nhôm, có hoặc không được bó lại) | 76020000 | 45 |
| 30 | Bột và vảy nhôm | 7603 | 10 |
| 31 | Chì phế liệu và mảnh vụn (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của chì, có hoặc không được bó lại) | 78020000 | 45 |
| 32 | Chì ở dạng thỏi, thanh, hình | 7803 | 5 |
| 33 | Bột và vảy chì | 78042000 | 5 |
| 34 | Kẽm phế liệu và mảnh vụn (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của kẽm, có hoặc không được bó lại) | 79020000 | 40 |
| 35 | Bột kẽm | 79031000 | 5 |
| 36 | Bụi và vảy kẽm | 79039000 | 5 |
| 37 | Kẽm ở dạng thỏi, thanh, hình | 7904 | 5 |
| 38 | Thiếc phế liệu và mảnh vụn (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của thiếc, có hoặc không được bó lại) | 80020000 | 45 |
| 39 | Thiếc ở dạng thỏi, thanh | 80030010 | 2 |
| 40 | Thiếc ở dạng hình | 80030090 | 2 |
| 41 | Bột và vảy thiếc | 8005 | 2 |
| 42 | Phế liệu và mảnh vụn của kim loại thường khác, của gốm kim loại, của sản phẩm làm từ kim loại thường khác và gốm kim loại; (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo, có hoặc không được bó lại) | 8101 đến 8113 | 45 |
| 43 | Bán thành phẩm của kim loại thường khác, của gốm kim loại, của sản phẩm làm từ kim loại thường khác và gốm kim loại | 8101 đến 8113 | 5 |